

**BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG  
TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG-  
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

**NĂM 2024**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2024*

## MỤC LỤC

NỘI DUNG		Trang
	<b>CÁC TỪ VIẾT TẮT</b>	
<b>PHẦN I.</b>	<b>GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>	5
<b>1.</b>	<b>Thông tin khái quát về trường</b>	5
1.1	Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	5
1.2	Cơ cấu tổ chức và nhân sự	5
1.3	Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo	6
1.4	Cơ sở vật chất, tài chính	8
<b>2.</b>	<b>Thông tin khái quát về Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng</b>	10
2.1	Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	10
2.2	Cơ cấu tổ chức và nhân sự	12
2.3	Các nghề đào tạo	12
<b>3.</b>	<b>Thông tin về chương trình đào tạo</b>	13
3.1	Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	13
3.2	Mục tiêu của chương trình đào tạo	13
3.3	Phương thức tổ chức đào tạo	17
3.4	Tóm tắt nội dung chương trình dạy nghề	17
3.5	Địa điểm đào tạo, quy mô đào tạo được cấp phép, kế hoạch tuyển sinh, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp	18
3.6	Đội ngũ giáo viên	20
3.7	Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo	20
<b>PHẦN II.</b>	<b>KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>	21
<b>1</b>	<b>Tổng quan chung</b>	21
1.1	Căn cứ tự đánh giá	21
1.2	Mục đích tự đánh giá	21
1.3	Yêu cầu tự đánh giá	21
1.4	Phương pháp tự đánh giá	22
1.5	Các bước tiến hành tự đánh giá	22
<b>2.</b>	<b>Tự đánh giá</b>	22
<b>2.1</b>	<b>Tổng hợp kết quả tự đánh giá</b>	22
<b>2.2</b>	<b>Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	27
2.2.1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	27
2.2.2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	33
2.2.3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	48

<b>NỘI DUNG</b>		<b>Trang</b>
2.2.4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	62
2.2.5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	77
2.2.6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	86
2.2.7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	97
<b>PHẦN III.</b>	<b>TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>	107
<b>PHẦN IV.</b>	<b>ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ</b>	109

## **PHỤ LỤC**

**Phụ lục 1.** Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

**Phụ lục 2.** Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

**Phụ lục 3.** Bảng mã minh chứng

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>TT</b>	<b>Ký hiệu viết tắt</b>	<b>Từ viết tắt</b>
1	BM	Bộ môn
2	CBGV	Cán bộ giáo viên
3	CD	Cao đẳng
4	CDN	Cao đẳng nghề
5	CBVCNV	Cán bộ - viên chức – nhân viên
6	CNVC	Công nhân viên chức
7	CSVC	Cơ sở vật chất
8	CVHT	Cố vấn học tập
9	CTĐT	Chương trình đào tạo
10	DN	Doanh nghiệp
11	GT	Giáo trình
12	GV	Giáo viên
13	HCM	Hồ Chí Minh
14	HSSV	Học sinh - sinh viên
15	LĐTBXH	Lao động, Thương binh và xã hội
16	KT&KDCL	Khảo thí và Kiểm định chất lượng
17	NSNN	Ngân sách Nhà nước
18	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
19	QĐ	Quyết định
20	SV	Sinh viên
21	SVHS	Sinh viên – học sinh
22	TCDN	Tổng cục Dạy nghề
23	TCHC	Tổ chức hành chính
24	UBND	Ủy Ban nhân dân

# PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG

### 1.1. Thông tin khái quát về trường

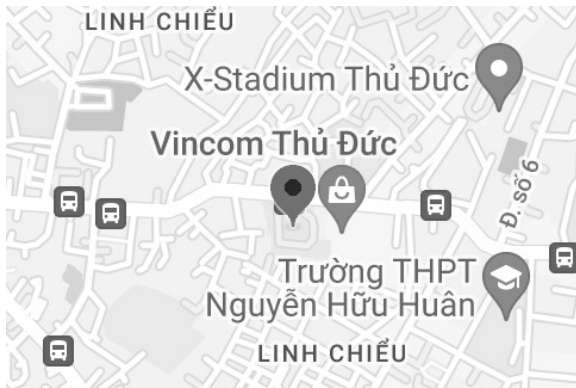
Tên trường : **TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP HỒ CHÍ MINH**

Tên Tiếng Anh: **HCM CONSTRUCTION COLLEGE**

Cơ quan chủ quản: Bộ Xây dựng

Địa chỉ trường:

*Trụ sở chính:* Số 190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thới, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM;



*Cơ sở 02:* Khu ký túc xá - Địa chỉ: Số 02 đường Hoàng Diệu, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.



*Cơ sở 3:* Trung tâm đào tạo thực hành - Ứng dụng công nghệ Xây dựng - Địa chỉ đường 11, phường Long Bình, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM

Số điện thoại liên hệ: 0838960087 – 083.8962938

Số Fax: 083.8968161

Email:

Website: [www.hcmcc.edu.vn](http://www.hcmcc.edu.vn)

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1976

- Năm thành lập trường Cao đẳng nghề: Năm 2017

Loại hình trường: Công lập:

Tư thực:

### 1.2 Thông tin khái quát về lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh - tiền thân là Trường Trung học xây

dựng Số 7, được thành lập năm 1976 theo Quyết định số 86/BXD-TC ngày 14/2/1976 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Đến năm 1999, để tương xứng với tiềm năng và quy mô phát triển của nhà trường và nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương khu vực phía nam, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 trên cơ sở Trường Trung học Xây dựng số 7 theo quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng chính phủ. Đến năm 2017 trường đổi tên thành Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh.

### ***Chức năng, nhiệm vụ được giao là:***

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh (ban hành theo Quyết định số 672/QĐ-BXD ngày 26/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng) quy định chức năng nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 ( nay là Trường Cao đẳng Xây dựng Tp Hồ Chí Minh):

“Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 ( nay là Trường Cao đẳng Xây dựng Tp Hồ Chí Minh) có nhiệm vụ: Đào tạo cán bộ kỹ thuật bậc cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật các ngành nghề trong lĩnh vực xây dựng; Tổ chức nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học – công nghệ tiên tiến, kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất, dịch vụ khoa học và công nghệ; Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong những người học và trong đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên của Trường...”

### ***Sứ mạng của Trường:***

Sứ mạng của trường Cao đẳng xây dựng TP Hồ Chí Minh được tuyên bố như sau: “*Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh là cơ sở đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực ngành xây dựng có chất lượng, đồng thời là trung tâm nghiên cứu và chuyển giao kết quả NCKH trong lĩnh vực xây dựng vào thực tiễn, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội chung của đất nước và khu vực Tp. Hồ Chí Minh, miền Đông và miền Tây Nam bộ*”.

### ***Hoạt động đào tạo:***

Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh có cơ cấu tổ chức gồm: 6 phòng chức năng, 4 Khoa, 6 Trung tâm và 1 bộ môn trực thuộc Ban giám hiệu. Với quy mô gần 2000 sinh viên học sinh đang theo học, hiện tại trường đang đào tạo 14 ngành ở bậc Cao đẳng gồm: *Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc; Kế toán; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Cấp thoát nước; Công nghệ vật liệu xây dựng; Quản trị kinh doanh; Quản lý xây dựng; Quản lý tòa nhà; Trắc địa công trình; Điện công nghiệp; Quản trị kinh doanh bất động sản; Thiết kế nội thất và Logistic*. Bậc trung cấp chuyên nghiệp đào tạo 3 ngành: *Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kế toán; Cấp thoát nước*.

Ngoài ra, nhà trường đang liên kết với một số Trường đại học như ĐH Kiến trúc

Tp.HCM, ĐH Bách Khoa, ĐH Giao thông vận tải, ĐH Xây dựng Hà Nội... đào tạo liên thông từ bậc cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp lên bậc đại học hệ chính quy, hệ vừa làm vừa học...; Đào tạo hệ trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng cho các địa phương như: Daklak, BRVT, Sóc Trăng, Trà Vinh... Bên cạnh đó, trường cũng tổ chức nhiều lớp sơ cấp nghề tại trường và tại cơ sở liên kết.

Tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở 03 cấp trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề; Bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và người lao động; nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật – công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

Tổ chức xây dựng, phê duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề đối với ngành nghề được phép đào tạo; Tổ chức nghiên cứu khoa học; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; thực hiện sản xuất, kinh doanh và dịch vụ khoa học, kỹ thuật theo quy định của pháp luật; Tư vấn học nghề, tư vấn việc làm miễn phí cho người học nghề; Tổ chức cho người học nghề tham quan, thực tập tại doanh nghiệp; phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học nghề trong hoạt động dạy nghề.

Căn cứ nhu cầu thực tiễn đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương và khu vực, Trường được định hướng đầu tư thành trường nghề chất lượng cao đến năm 2025 để đáp ứng nhu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa \_ theo các quyết định:

+ Bộ Xây dựng đã giao nhiệm vụ cho trường về phát triển các ngành nghề trọng điểm và thống nhất danh mục nghề trọng điểm tại văn bản số 548/BXD – TCCB. Theo đó nhà Trường sẽ có 7 ngành trọng điểm, trong đó ngành Quản lý xây dựng là ngành trọng điểm quốc tế.

+ Quyết định 1836/QĐ-LĐTBXH ngày 27/11/2017 của Bộ lao động thương binh và xã hội về việc phê duyệt ngành, nghề trọng điểm và trường được lựa chọn ngành nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến 2025. Trường Cao đẳng xây dựng TP Hồ Chí Minh được lựa chọn với 7 ngành trọng điểm.

+ Quyết định 1432/QĐ –TTg ngày 26/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện”.

+ Quyết định số 1495/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/10/2018 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội phê duyệt đầu tư dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện”.

+ Quyết định số 1409/QĐ-BXD ngày 30/10/2018 của Bộ Xây dựng phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện”, sử dụng nguồn vốn vay ODA của ngân hàng ADB.

Trường có vị trí ở khu vực trung tâm thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, có 3 cơ sở phục vụ đào tạo:

**Cơ sở 01:** Cơ sở chính - Khu học tập và làm việc: có diện tích 15.300 m<sup>2</sup> (khu làm việc hiệu bộ, phục vụ cho công tác đào tạo, hoạt động dạy và học; các hoạt động khác của trường).

*Địa điểm:* 190 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng diện tích sử dụng: 15.300 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Đất xây dựng: 4.030 m<sup>2</sup>
- Đất lưu không: 11.270 m<sup>2</sup>

*Các phòng học được sử dụng chung:*

- Khối phòng học lý thuyết: 8230m<sup>2</sup> (62 phòng học với sức chứa từ 50HSSV/phòng)
- Khối phòng máy: 1500 m<sup>2</sup> (19 phòng với tổng số 793 máy tính đang sử dụng)
- Phòng Ngoại ngữ chuyên dụng: 120 m<sup>2</sup>

Các công trình phụ trợ phục vụ người học:

- Thư viện: 450 m<sup>2</sup>
- Hội trường: 450 m<sup>2</sup>
- Phòng y tế: 25 m<sup>2</sup>
- Căn tin: 500 m<sup>2</sup>
- Sân thể thao: 1.000 m<sup>2</sup>
- Bãi giữ xe: 1.000 m<sup>2</sup>

Trong năm 2021-2023, tại cơ sở 1, Dự án Đầu tư xây dựng Nhà học đa năng – Trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh được phê duyệt theo quyết định số 1058a/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 14/9/2021 với tổng mức đầu tư là 229.004 triệu đồng (228.000 triệu đồng NSNN, 1.004 triệu đồng vốn huy động từ quỹ phát triển Nhà trường) đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 01/2024. Khối nhà học đa năng có gồm 10 tầng nổi và 01 tầng hầm, có diện tích xây dựng công trình 1.280 m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn 14.116 m<sup>2</sup>. Bao gồm các chức năng:

- + Khu giảng đường;
- + Khu vực làm việc của Ban giám hiệu, các khoa phòng và bộ môn;
- + Hội trường, phòng truyền thống trưng bày triển lãm, phòng khách;



- + Trung tâm thư viện;
- + Khu vực phòng nghỉ chuyên gia và giáo viên, không gian sân vườn và các phòng kỹ thuật;
- + Khu vực để xe và hệ thống kỹ thuật công trình (tầng hầm).

Dự án Nhà học đa năng trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh đã giúp đáp ứng nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực cũng như nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao công nghệ, sản xuất gắn liền với thực tiễn xây dựng và phát triển cho khu vực Miền Nam nói chung và khu vực Thành Phố Hồ Chí Minh nói riêng, hoàn thành nhiệm vụ được giao, phù hợp với quy hoạch phát triển của Ngành. Công trình xây dựng có quy mô, tiện nghi đầu tư phù hợp với hoạt động đào tạo học sinh sinh viên cũng như hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ giáo viên của Nhà trường, đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất, làm động lực tạo sự phát triển bền vững của Nhà trường trong tương lai.

**Cơ sở 02:** Khu ký túc xá có diện tích 8.240 m<sup>2</sup> (phục vụ chỗ ở cho giáo viên, sinh viên-học sinh).

Địa điểm: Số 228 đường số 6, Phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.

- Số phòng: 80 phòng (Số người ở: 600)
- Sân thể thao: 5.000 m<sup>2</sup>
- Đất giao thông, sân đường: 1.937 m<sup>2</sup>

❖ **Cơ sở 03:** Trung tâm đào tạo thực hành và ứng dụng công nghệ xây dựng: có diện tích gần 15000 m<sup>2</sup>.

Địa điểm: đường 11, phường Long Bình, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.

\* *Khối xưởng thực hành: 3.246 m<sup>2</sup>*

TT	Các xưởng thực hành	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	Xưởng Nước	01	503	
2	Xưởng Điện	01	170	
3	Xưởng Cơ khí	01	150	
4	Xưởng Mộc - Trang trí nội thất	01	210	
5	Xưởng Bê tông Cốt thép – Kỹ thuật Nền	01	180	
6	Xưởng Giàn giáo Ván khuôn	01	100	
7	Xưởng Thí nghiệm VLXD	01	650	
	<b>Cộng</b>	<b>07</b>	<b>1.963</b>	

- Sân thực hành chung: 1.283 m<sup>2</sup>

*\* Các diện tích khác:*

- Sân thể thao: 1.935 m<sup>2</sup>
- Đất giao thông, sân đường: 4.764 m<sup>2</sup>
- Đất cây xanh: 4.572 m<sup>2</sup>

Đảng bộ cơ sở Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhà trường hoàn thành nhiệm vụ chính trị, đạt được những thành tích trên các mặt đào tạo nghề, chăm lo đời sống cho CBVCNV và học sinh, sinh viên. Đảng bộ, chi bộ nhiều năm liền đạt danh hiệu “Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh”.

Tổ chức Công đoàn cơ sở hoạt động có hiệu quả cao, quan tâm đến đời sống CBVCNV, phát huy vai trò làm chủ tập thể của người lao động, tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức hoạt động phong trào nhằm thúc đẩy công tác dạy và học, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong nhà trường. Công đoàn được công nhận Công đoàn vững mạnh xuất sắc nhiều năm liền.

Đoàn Trường trực thuộc Đảng đoàn đảng ủy khối Bộ Xây dựng, đã tập hợp được đông đảo thanh niên tham gia các hoạt động, Đoàn trường đã phát huy tích cực các phong trào giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống, hoạt động văn hóa văn nghệ, công tác xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua dạy và học trong nhà trường, là đơn vị xuất sắc nhiều năm liền.

## **2. THÔNG TIN VỀ KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ XÂY DỰNG- PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUẢN LÝ XÂY DỰNG**

### **2..1 Thông tin khái quát**

Tên khoa: Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng

Tên Tiếng Anh: Faculty of Economics and Construction Management

Số điện thoại: (084) 0902 307 258

Email: khoaktqlxd@hcmcc.edu.vn

Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng, được thành lập theo quyết định 287/QĐ-CĐXD ngày 27/04/2018 trên cơ sở sát nhập Bộ Môn Kinh Tế (Thành lập năm 1976) và Quản lý xây dựng được thành lập từ năm (2008) của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 (nay là Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM), với chức năng và nhiệm vụ chính là:

- + Thực hiện đào tạo các nghề trong danh mục nghề đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/2010/TT-BLĐTBXH ngày 04/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Hiện tại Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng đang đào tạo:

- Ngành Kế toán (đào tạo từ năm 1976): trình độ cao đẳng, sơ cấp, trung cấp
  - Ngành Quản lý xây dựng (đào tạo từ năm 2001): trình độ cao đẳng
  - Ngành Quản trị Kinh Doanh (đào tạo từ năm 2009): trình độ cao đẳng
  - Ngành Quản trị Kinh Doanh Bất Động Sản (đào tạo từ năm 2017): trình độ cao đẳng
  - Ngành Logistics (đào tạo từ năm 2023): trình độ cao đẳng.
- + Phối hợp với Phòng Khoa học – hợp tác quốc tế và đảm bảo chất lượng (KH-HTQT – ĐBCL), Phòng Đào tạo, tổ chức giám sát công tác kiểm tra kết thúc mô đun môn học theo quy định. Biên soạn, cung cấp đề kiểm tra kết thúc mô đun, môn học; đề khoá luận tốt nghiệp, đề thi Tốt nghiệp theo yêu cầu của Phòng Đào tạo.
- + Thực hiện đúng tiến độ đào tạo, chế độ kiểm tra, thi, quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên theo Quy chế đào tạo của Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM. Chịu trách nhiệm về chất lượng giảng dạy cho học sinh, sinh viên. Quản lý sĩ số và duy trì số lượng học sinh – sinh viên, chịu trách nhiệm về giáo dục nhân cách và chuyên cần của học sinh - sinh viên.
- + Định kỳ tiến hành rà soát, đề nghị điều chỉnh chương trình dạy nghề; hàng năm thực hiện bổ sung tài liệu tham khảo, giáo trình giảng dạy, xem xét điều chỉnh tiến độ giảng dạy chi tiết cho phù hợp với từng trình độ và nhu cầu xã hội.
- + Thường xuyên đổi mới và đưa ra phương pháp giảng dạy cho phù hợp với từng lớp học nhằm đạt hiệu quả cao trong công tác đào tạo nghề. Thực hiện tự kiểm định, đánh giá chất lượng đào tạo, tự kiểm định chương trình đào tạo, quy trình quản lý chất lượng theo quy định của Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM.

***Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng trong những năm gần đây:***

Năm học 2021 – 2022, Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng được công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến;

Năm học 2022 – 2023, Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng được công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến;

Năm học 2023 – 2024, Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng được công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến.

## 2.2. Cơ cấu tổ chức

Năm học 2023-2024, Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng có tổng cộng 12 nhân sự, gồm có 2 bộ môn trực thuộc, cụ thể:

STT	Bộ phận	Số lượng	Trình độ	Ghi chú
1	Văn phòng Khoa	+ 1 Trưởng khoa + 1 Phó khoa + 1 Thư ký khoa	Thạc sĩ Thạc sĩ Đại học	
2	Bộ môn Kinh tế xây dựng	03 nhà giáo	03 Thạc sĩ	
3	Bộ môn Kinh tế	06 nhà giáo	06 Thạc sĩ	

Về mặt tổ chức Đảng, Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng thuộc Chi bộ 5

Về mặt Cộng đoàn: Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng là Cộng đoàn bộ phận 5, thuộc Cộng đoàn Trờng Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM

## 2.3. Các chương trình đào tạo được giao phụ trách

STT	Tên chương trình đào tạo	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng- hệ Cao đẳng	
2	Chương trình đào tạo ngành Kế toán - hệ Cao đẳng	
3	Chương trình Ngành Quản trị Kinh Doanh - hệ Cao đẳng	
4	Chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh Doanh Bất Động Sản	
5	Chương trình Ngành Logistics	

## 2.4. Cơ sở vật chất của khoa

Trong những năm qua, nhà trường có sự đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy tương đối qui mô và hiện đại đáp ứng yêu cầu giảng dạy của toàn trường, bao gồm các ngành nghề do khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng quản lý chuyên môn. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào ngành Quản lý xây dựng bao gồm:

+ Các phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh, ánh sáng và máy chiếu phục vụ giảng dạy.

+ Các phòng máy tính có cài đặt các phần mềm chuyên ngành.

+ Thư viện – thư viện số: cung cấp thông tin, tài liệu, giáo trình..phục vụ đào tạo

### Hạng mục, công trình phục vụ đào tạo

Stt	Hạng mục, công trình	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú (đang xây dựng hoặc đã hoàn thành)
1	Văn phòng Khoa	m <sup>2</sup>	40	Đã hoàn thành
2	Văn phòng Bộ môn	m <sup>2</sup>	33	Đã hoàn thành
3	Phòng Trung bày	m <sup>2</sup>	74	Đã hoàn thành
4	Phòng học lý thuyết	m <sup>2</sup>	8.230	Đã hoàn thành
5	Phòng máy tính	m <sup>2</sup>	1.500	Đã hoàn thành
6	Phòng ngoại ngữ chuyên dụng	m <sup>2</sup>	120	Đã hoàn thành
7	Thư viện	m <sup>2</sup>	450	Đã hoàn thành

### Trang thiết bị do đơn vị quản lý

Stt	Hạng mục, công trình	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
1	Tổng số máy tính của đơn vị	Chiếc	06	
2	Máy in A4	Chiếc	02	

## 3. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG

### 3.1 Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

- Ngành Quản lý xây dựng bắt đầu tiên hành tuyển sinh và đào tạo hệ cao đẳng năm năm 2001.
- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát và chỉnh sửa cho phù hợp với kiến thức mới, nhu cầu thực tế cũng như trình độ của học sinh – sinh viên.
- Hàng năm, giảng viên dạy chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng đều tham gia tham quan, học tập, trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn.
- Các giảng viên tham gia giảng dạy chương trình ngành Quản lý xây dựng đều tham gia NCKH nhằm nâng cao kiến thức phục vụ giảng dạy.
- Nhiều sinh viên ngành Quản lý xây dựng có kết quả học tập tốt, đạt học bổng của nhà trường và các doanh nghiệp trao tặng.
- Nhiều sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý xây dựng hiện đang công tác và nắm giữ vị trí tốt tại các công ty, doanh nghiệp có quy mô tương đối trong lĩnh vực xây dựng.

## **3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

Mục tiêu chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng được thực hiện theo Quyết định số 639/QĐ-CĐXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành, nghề Quản lý xây dựng

### **3.2.1. Mục tiêu chung:**

- Đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh xây dựng, dịch vụ ngành Quản lý xây dựng.
- Đào tạo người học có sự phát triển toàn diện, có phẩm chất đạo đức, chính trị, ý thức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp, ý thức phục vụ, có trách nhiệm công dân.
- Đào tạo người học có kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành vững vàng.
- Sinh viên tốt nghiệp ra trường sẽ đáp ứng được nhu cầu của các tổ chức – doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoặc tự thành lập công ty để tác nghiệp và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng.

### **3.2.2. Mục tiêu cụ thể:**

Từ mục tiêu chung đã đề ra, chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng sẽ trang bị cho người học các mục tiêu cụ thể như sau:

- Mục tiêu 1: Hình thành nền tảng vững chắc về kiến thức chính trị, pháp luật, an ninh - quốc phòng,... và kiến thức cơ sở ngành.
- Mục tiêu 2: Vận dụng thành thạo các kỹ năng tự học, kỹ năng giải quyết vấn đề, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp và tư duy sáng tạo.
- Mục tiêu 3: Giao tiếp hiệu quả, biết tổ chức, quản lý và làm việc nhóm.
- Mục tiêu 4: Vận hành tốt các năng lực hình thành ý tưởng, lên kế hoạch, triển khai, giám sát, đánh giá.
- Mục tiêu 5: Có khả năng nắm bắt các nhu cầu xã hội, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp.

Các mục tiêu trên được chi tiết hóa thành các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

#### **a) Kiến thức**

- **Kiến thức chung:**
  - CĐR 1: Tích lũy được kiến thức nền tảng cơ bản về: chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật chung để chấp hành chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước.

- CĐR 2: Trình bày được những kiến thức cơ bản về: chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực được đào tạo để đáp ứng yêu cầu của công việc trong nghề nghiệp và hoạt động xã hội trong lĩnh vực chuyên môn.
- CĐR 3: Hiểu được các kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo, phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn
- *Kiến thức chuyên môn:*
  - CĐR 4: Sinh viên có khả năng áp dụng các lý thuyết về pháp lý, toán học, khoa học ứng dụng để làm các công việc, giải quyết các tình huống thường gặp trong các công việc liên quan đến quản lý xây dựng công trình (dự án đầu tư, định mức, đơn giá, dự toán công trình, đấu thầu, thanh quyết toán, kiểm toán xây dựng, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng;
  - CĐR 5: Sinh viên có kiến thức thực tế, có thể giải quyết các công việc phức tạp, sáng tạo trong lĩnh vực quản lý xây dựng;
  - CĐR 6: Sinh viên có kiến thức về công nghệ thông tin và biết sử dụng các công cụ hiện đại để giải quyết các công việc như máy tính, các phần mềm thích hợp;
  - CĐR 7: Sinh viên có kiến thức thực tế cơ bản về công tác quản lý xây dựng công trình: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát thực hiện, đánh giá quá trình thực hiện các công việc trong hoạt động quản lý xây dựng;

#### b) *Kỹ năng*

- *Kỹ năng chung:*
  - CĐR 8: Sinh viên có khả năng nhận thức, tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi rộng;
  - CĐR 9: Sinh viên có khả năng cơ bản về truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác liên quan tới công việc trong hoạt động quản lý xây dựng của mình;
- *Kỹ năng chuyên môn:*
  - CĐR 10: Lập, đánh giá, lựa chọn phương án đầu tư, đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư;
  - CĐR 11: Lập định mức, đơn giá cho các công tác xây dựng; điều chỉnh định mức, đơn giá xây dựng cho các công tác xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của công trình;

- CĐR 12: Đọc hiểu và tính được tiên lượng từ bản vẽ trong hồ sơ thiết kế, tính được dự toán công trình ;
- CĐR 13: Lập được hồ sơ mời thầu, đánh giá được các hồ sơ dự thầu xây dựng;
- CĐR 14: Lập hồ sơ dự thầu, lập được tiến độ thi công, biểu đồ nhân lực, tổng mặt bằng thi công, phương án thi công các công tác xây dựng;
- CĐR 15: Lập hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành, Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, Hồ sơ quyết toán dự án;
- CĐR 16: Lập Báo cáo kiểm toán dự án đầu tư xây dựng;
- CĐR 17: Định giá được giá bất động sản;
- CĐR 18: Có khả năng lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng;
- *Năng lực ngoại ngữ:*
  - CĐR 19: Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- *Năng lực tin học:*
  - CĐR 20: Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
  - CĐR 21: Có khả năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành Quản lý xây dựng vào công việc: phần mềm dự toán / dự thầu / thanh quyết toán / quản lý dự án Project,..;
- *Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (thái độ):*
  - CĐR 22: Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm.;
  - CĐR 23: Có năng lực giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trọng điều kiện làm việc thay đổi;
  - CĐR 24: Có năng lực quan sát, hướng dẫn những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, đánh giá chất lượng công việc sau hoàn thành của bản thân và các thành viên trong nhóm;
  - CĐR 25: Có năng lực chịu trách nhiệm với cá nhân và trách nhiệm với nhóm trong công việc, có trách nhiệm xã hội và tôn trọng văn hóa;
  - CĐR 26: Nhận thức được nhu cầu làm việc suốt đời và có kỹ năng để duy trì và cải thiện các kỹ năng mềm;



### **3.2.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý xây dựng có thể làm việc được nhiều loại hình doanh nghiệp khác nhau với nhiều vị trí khác nhau, cụ thể:

- Tư vấn Lập — phân tích, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng;
- Lập, thẩm tra dự toán công trình;
- Tư vấn đấu thầu / chuyên gia đấu thầu;
- Thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng;
- Giám sát công trường;
- Kiểm soát khối lượng;
- Kiểm soát chi phí đầu tư;
- Cán bộ kỹ thuật xây dựng;
- Trợ lý kiểm toán;
- Cán bộ / nhân viên văn phòng phù hợp với chuyên môn như: phòng Quản lý xây dựng, phòng kế hoạch – đầu tư, phòng kỹ thuật, phòng đấu thầu, thẩm định, giám sát đầu tư
- Làm chuyên viên quản lý dự án, quản lý kỹ thuật – chất lượng công trình trong các cơ quan quản lý nhà nước, công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng;
- Tham gia giảng dạy tại các trường cao đẳng, trung cấp có chuyên ngành liên quan;

#### **Tại các tổ chức sau:**

- Chủ đầu tư, ban quản lý dự án;
- Các doanh nghiệp xây dựng;
- Các tổ chức tư vấn xây dựng
- Nhà thầu thi công xây dựng;
- Các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

Tùy theo thiên hướng và năng lực của người học, có thể định hướng để đảm nhận một hay nhiều vị trí công việc cụ thể trong các vị trí nêu trên.

### **3.3. Phương thức đào tạo**

Phương thức đào tạo Trường đang được áp dụng đối với ngành Quản lý xây dựng là phương thức đào tạo tích lũy tín chỉ theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐT BXH, ngày 13/3/2017.

### **3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo:**

Chương trình đào tạo của ngành Quản lý xây dựng – hệ cao đẳng được xây dựng, biên soạn trên cơ sở các Quy định, Thông tư về khung chương trình của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, đã được Trường xây dựng, biên soạn, thẩm định và

ban hành theo Quyết định số 183/QĐ-CĐXD ngày 21 tháng 03 năm 2018 (áp dụng từ khóa 2018 đến 2020); đã được bổ sung, điều chỉnh theo Quyết định số 639/QĐ-CĐXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 (áp dụng từ khóa 2021 đến 2023) và Quyết định số 693/QĐ-CĐXD ngày 14 tháng 8 năm 2024 (áp dụng từ khóa 2024).

Chương trình đào tạo của ngành Quản lý xây dựng – hệ cao đẳng khoá sau được xây dựng trên cơ sở rà soát chương trình đào tạo của khoá trước và quy định về khung chương trình của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, đã được Trường thẩm định và ban hành theo quy định.

Cụ thể:

Mã MH/MD	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực Tập/ TN/BT/ TL	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các học phần chung</b>	<b>21</b>	<b>435</b>	<b>173</b>	<b>239</b>	<b>23</b>
23200102	Giáo dục Chính trị	4	75	41	29	5
23100102	Pháp luật	2	30	18	10	2
23102102	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
23102103	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
23103105	Tin học	3	75	15	58	2
	<i>Tiếng Anh</i>					
23300101	Anh văn 1	2	45	15	28	2
23300102	Anh văn 2	2	45	15	28	2
23300106	Anh văn 3	2	30	28	0	2
<b>II</b>	<b>Các học phần chuyên môn</b>	<b>64</b>	<b>1.515</b>	<b>508</b>	<b>924,5</b>	<b>82,5</b>
<i>II.1</i>	<i>Học phần cơ sở</i>	<b>28</b>	<b>525</b>	<b>292</b>	<b>199,5</b>	<b>33,5</b>
23602105	Nhập môn Quản lý Xây dựng	2	30	27	0	3
23601108	Pháp luật trong xây dựng	2	30	27	0	3
24201104	Hình họa - Vẽ kỹ thuật 1	3	60	24	30	6
24201124	Cấu tạo kiến trúc	4	90	30	60	0
23502102	Sức bền vật liệu	3	45	25	18	2
23501101	Bê tông cốt thép 1	2	45	19	22,5	3,5
23506112	Kỹ thuật thi công	3	60	36	20	4
23506118	Tổ chức thi công	2	45	20	22	3
23506101	An toàn Lao động	2	30	27	0	3
23601106	Kinh tế xây dựng	2	30	27	0	3
	<i>Học học tự chọn (chọn tối thiểu 3tc trong các MH sau)</i>	<b>3</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>27</b>	<b>3</b>
23700101	Cấp thoát nước công trình	3	60	30	26	4
23800114	Kinh tế học	3	45	42	0	3
23900118	Vật liệu xây dựng	3	60	30	27	3
<b>II.2</b>	<b>Học phần chuyên môn</b>	<b>36</b>	<b>990</b>	<b>216</b>	<b>725</b>	<b>49</b>
23601103	Dự toán xây dựng	3	60	25	30	5
23601102	Định mức & Đơn giá	2	30	27	0	3
23601101	Đầu thầu trong xây dựng	2	45	15	27	3
23601112	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	45	42	0	3

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực Tập/ TN/BT/ TL	Thi/ Kiểm tra
23601113	Định giá Dịch vụ Công ích Đô thị	2	45	15	27	3
23601111	Thanh quyết toán xây dựng	2	45	15	28	2
23601105	Kiểm toán Xây dựng	2	45	15	27	
23601110	Tin học trong QLXD	2	45	15	27	3
23601115	Đồ án Định mức & Đơn giá	2	60	0	55	5
23601114	Đồ án Lập và thẩm định dự án đầu tư	2	60	0	57	3
23401119	Thực tập tay nghề cơ bản 1	3	90	7	77	6
23600103	Thực tập TN ngành QLXD	3	135	10	120	5
23600101	Khóa luận TN ngành QLXD	5	225	0	225	0
	<i>Môn học tự chọn (chọn tối thiểu 3tc trong các MH sau)</i>					
23601118	Định giá bất động sản	3	60	30	25	5
23800139	Hoạch toán Kế toán	3	60	30	25	5
<b>II.3</b>	<b>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>5</b>	<b>150</b>	<b>0</b>	<b>140</b>	<b>10</b>
23601116	Đồ án lập hồ sơ Dự toán XDCT	2	60	0	55	5
23601117	Đồ án lập hồ sơ Dự thầu Xây lắp	3	90	0	85	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>85</b>	<b>1.950</b>	<b>681</b>	<b>1.163,5</b>	<b>105,5</b>

### 3.5. Đội ngũ nhà giáo

(Thống kê nhà giáo đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy tất cả các môn học, mô đun nghề của chương trình đào tạo, không tính giáo viên dạy các môn cơ sở)

- Nam: 2 - Nữ: 05

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Thạc sĩ	2	5	7
<b>Tổng số</b>	<b>2</b>	<b>5</b>	<b>7</b>

## **PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. TỔNG QUAN CHUNG**

#### **1.1. Căn cứ tự đánh giá**

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Trường Cao đẳng nghề do Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;
- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy trình kiểm định chất lượng dạy nghề;
- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục dạy nghề về việc Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng .
- Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng số 66/KH-CĐXD ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh

#### **1.2. Mục đích tự đánh giá**

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện như: mục tiêu, chương trình, nội dung dạy nghề, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí.

Xác định mức độ đạt được của nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí (bao gồm các tiêu chuẩn và chỉ số) kiểm định chất lượng đào tạo nghề của Trường Cao đẳng nghề.

Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn và dài hạn, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành đơn vị dạy nghề đạt chất lượng cao.

#### **1.3. Yêu cầu tự đánh giá**

1. Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của Trường
2. Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của Trường.
3. Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

4. Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

5. Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

#### **1.4. Phương pháp tự đánh giá**

1. Căn cứ vào Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trường Cao đẳng nghề, Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện công tác tự đánh giá, thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của trường.

2. Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chương trình có liên quan, phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Trường.

3. Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chương trình của Trường và gửi hội đồng Đánh giá của Trường.

4. Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của Trường.

#### **1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá**

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình.
2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình.
3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình.
4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình và gửi cơ quan có thẩm quyền.

## **2. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá:**

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của Trường về chương trình đào tạo</b>
	<b>ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC</b>		<b>Đạt chuẩn chất lượng</b>
	<b>Tổng điểm</b>	<b>100</b>	<b>95</b>
<b>1</b>	<b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</b>	<b>6</b>	<b>6</b>

	a) Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
	b) Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
	c) Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	<b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>	<b>14</b>	<b>13</b>
	a) Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	1
	b) Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
	c) Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
	d) Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	đ) Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
	e) Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
	g) Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2

	<b>Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>16</b>	<b>15</b>
	a) Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	b) Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
	c) Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
	d) Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
	đ) Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	1
	e) Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
	g) Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	h) Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao	2	2
	<b>4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình</b>	<b>24</b>	<b>23</b>
	a) Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	b) Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
	c) Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
	d) Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
	đ) Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
	e) Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức	2	2



	độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.		
	g) Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
	h) Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	1
	i) Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	k) Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	l) Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
	m) Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
	<b>Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>	<b>16</b>	<b>15</b>
	a) Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
	b) Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
	c) Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
	d) Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
	đ) Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
	e) Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu	2	2

	<p> nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.</p>		
	<p>g) Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.</p>	2	2
	<p>h) Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy</p>	2	1
	<p><b>Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học</b></p>	<b>8</b>	<b>8</b>
	<p>a) Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.</p>	2	2
	<p>b) Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.</p>	2	2
	<p>c) Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.</p>	2	2
	<p>d) Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.</p>	2	2
	<p><b>Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng</b></p>	<b>16</b>	<b>15</b>
	<p>a) Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.</p>	2	2
	<p>b) Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.</p>	2	2
	<p>c) Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm,</p>	2	2

	bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.		
	d) Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
	đ) Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
	e) Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	1
	g) Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 50% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	h) Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

## 2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

### 2.2.1. Tiêu chí 1. Mục tiêu, quản lý và tài chính

#### Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

##### Mở đầu:

Mục tiêu của ngành Quản lý xây dựng là đào tạo sinh viên có đủ năng lực phù hợp với yêu cầu sử dụng nhân sự của địa phương, có khả năng tự kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, có năng lực tự học, tinh thần sáng tạo, khởi nghiệp, có trách nhiệm với cộng đồng, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chung của Trường Cao đẳng Xây dựng TP.HCM.

Mục tiêu chương trình đào tạo của ngành Quản lý xây dựng luôn được công bố công khai và được điều chỉnh mục rà soát kịp thời theo quy định.

Quá trình đào tạo luôn tuân theo Quy chế đào tạo đã ban hành, được thực hiện, triển khai và giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình giảng dạy từ khâu chuẩn bị cho đến khâu kiểm tra đánh giá và công bố kết quả học tập.

Có đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức và cơ chế quản lý và được triển khai đến các bộ phận, kế hoạch phát triển cũng như phương hướng hoạt động của trường được phổ biến công khai để mọi thành viên tham gia đóng góp ý kiến và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát bổ sung sửa đổi trong hội nghị CBVC, đảm bảo đúng quy định của Pháp luật và phù hợp với thực tế của đơn vị.

**PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tiêu chí	Những điểm hạn chế	Kế hoạch khắc phục điểm hạn chế			
		Nội dung công việc sẽ triển khai	Thời gian dự kiến hoàn thành	Cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện	Cá nhân, đơn vị phối hợp thực hiện
Tiêu chí 1: <b>Mục tiêu, quản lý và tài chính</b>		Năm 2023 - 2024 kết hợp với các ngành, đơn vị tiếp tục khai thác nguồn lực sẵn có của trường để đảm bảo đủ nguồn thu, đảm bảo mức chi tối thiểu theo quy định.	2024	Phòng KT tài chính	Các phòng CN, các TT và đơn vị ĐT gồm Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng
Tiêu chí 2: <b>Hoạt động đào tạo</b>	Việc tuyển sinh vẫn còn nhiều khó khăn, lượng SV tuyển sinh được chưa đạt 100% chỉ tiêu	Tăng cường áp dụng công nghệ trong phân tích, quản lý, cảnh báo sớm trong quá trình quản lý các hoạt động trong nhà trường.	2023-2024	Phòng Đào tạo	P. KT-TC, các đơn vị liên quan, bao gồm Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng
Tiêu chí 3: <b>Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô của các công trình nghiên cứu khoa học còn thực hiện ở mức cấp trường, chưa có nhiều đề tài cấp Bộ và các đề án cấp quốc gia.</li> <li>- Chưa ứng dụng nhiều các chương trình, phần mềm hiện đại vào trong giảng dạy (phần mềm AI)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đẩy mạnh và động viên CBGV tham gia công tác nghiên cứu khoa học cấp tỉnh và cấp Quốc gia.</li> <li>- Cử giáo viên Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng học tập các khóa học sử dụng các phần mềm hiện đại trong giảng dạy</li> </ul>	Triển khai hàng năm	Giáo viên Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng	Phòng KH-HTQT-ĐBCL, phòng TCHC và các đơn vị có liên quan

Tiêu chí 4: <b>Chương trình, giáo trình</b>	Tiếp tục hoàn thiện, đa dạng các chương trình, giáo trình	Tăng cường rà soát đề cương, giáo trình, cập nhật kiến thức, nâng cao chuyên môn của GV trong khoa thông qua các buổi họp chuyên môn, cử GV đi học thêm các lớp bồi dưỡng	Triển khai hàng năm	Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng	Các đơn vị có liên quan
Tiêu chí 6: <b>Dịch vụ cho người học</b>	Cần đa dạng hóa – hiện đại hóa các dịch vụ cho người học	Năm 2023 - 2024 kết hợp với các ngành, đơn vị tổ chức đa dạng các hoạt động phong trào cho học sinh, sinh viên.	2024-2025	Phòng Công tác HSSV	Các đơn vị trực thuộc (Trung tâm Đào tạo & Hướng nghiệp, Ký túc xá...)
Tiêu chí 7: <b>Giám sát, đánh giá chất lượng</b>		Năm học 2023-2024 Phòng KH-HTQT&KĐCL tiếp tục sử dụng phần mềm khảo sát mức độ hài lòng của HSSV đối với công tác đào tạo, công tác phục vụ đào tạo.. của nhà trường.	2023 - 2024	Phòng KH-HTQT&KĐCL	Các đơn vị trong trường

## ***PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ***

Việc triển khai tự đánh giá CTĐT ngành Quản lý xây dựng là khâu quan trọng trong việc đảm bảo CLĐT của Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng cũng như của Nhà trường. Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ LĐT BXH ban hành, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác đã tự xem xét, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành Quản lý xây dựng, qua đó thấy được những mặt mạnh, những mặt tồn tại để Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần khắc phục và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT.

### **1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Quản lý xây dựng**

#### ***1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

Mục tiêu của CTĐT ngành Quản lý xây dựng được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường CDXD TP. HCM, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học và mục tiêu đào tạo của Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng.

Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT ngành Quản lý xây dựng được xác định rõ ràng, thể hiện rõ các yêu cầu về trình độ kiến thức chuyên môn, năng lực, kỹ năng thực hành, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe đối với người học khi tốt nghiệp; được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến, từ các nhà tuyển dụng lao động, người học, cựu người học và được công bố công khai theo quy định.

#### ***1.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo***

Bản mô tả CTĐT ngành Quản lý xây dựng thể hiện đầy đủ thông tin, tích hợp những nội dung mới nhất liên quan; xu hướng đào tạo hiện đại. Đề cương chi tiết các học phần thể hiện rõ mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển về các lĩnh vực liên quan đến ngành.

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đặc biệt để SV đưa ra lựa chọn hợp

lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

### ***1.3. Về cấu trúc và nội dung***

Ngành Quản lý xây dựng được thiết kế dựa trên mục tiêu đào tạo và bám sát CĐR, đảm bảo tính hợp lý và logic giữa các học phần. Các học phần được cấu trúc hợp lý, gắn kết giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên môn ngành. Mục tiêu và nội dung chi tiết của từng học phần đảm bảo và thể hiện rõ yêu cầu cần đạt của CĐR.

### ***1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Mục tiêu giáo dục ngành Quản lý xây dựng được tuyên bố rõ ràng và cụ thể hóa trong đề cương các học phần, được phổ biến rộng rãi tới người học, GV, cộng đồng và xã hội. Các hoạt động dạy và học, nhất là các phương pháp dạy học lý thuyết và thực hành của các học phần được GV trong Khoa lựa chọn sử dụng đa dạng, tương thích với CĐR.

### ***1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học***

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu CĐR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các quy định về đánh giá kết quả học tập được thể hiện rõ trong các đề cương học phần, CTĐT và được thông báo công khai tới người học. Các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng (kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập lớn, đồ án, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình...); đề thi được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng nên đảm bảo độ tin cậy, khách quan. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Khoa luôn tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và đã giải quyết tốt các trường hợp cụ thể.

### ***1.6. Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên***

Đội ngũ GV của Khoa để thực hiện CTĐT ngành Quản lý xây dựng được quy hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH. Tỷ lệ GV/người học của CTĐT đảm bảo theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo, đáp ứng khối lượng của CTĐT. Đội ngũ GV phục vụ CTĐT thực hiện đủ định mức giờ giảng và NCKH theo quy định của Nhà trường.

### ***1.7. Về đội ngũ nhân viên***

Đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH. Các văn bản, tiêu chí, quy trình tuyển dụng nhân viên được Nhà trường quy định cụ thể và được công bố công khai. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên được thực hiện thường xuyên hàng năm và theo các tiêu chuẩn được quy định cụ thể về thi đua, khen thưởng, đảm bảo chính xác, công bằng, công khai. Nhà trường và đơn vị xác định nhu cầu và có các hoạt động cụ thể để triển khai kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên.

### **1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công khai và cập nhật thường xuyên; các tiêu chí và phương thức tuyển chọn mang tính lượng hóa, giúp cho Nhà trường và Khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp.

Đội ngũ CVHT của Khoa là những người có nhiệt huyết và kinh nghiệm trong công tác của mình, luôn hỗ trợ, tư vấn kịp thời cho người học về ngành học, chương trình đào tạo, hoạt động NCKH, các hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ đội nhóm..., và luôn theo dõi kết quả, sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, vì vậy tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất.

Bên cạnh đó, các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội SV của Trường, của Khoa đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, tư vấn phương pháp học tập, phong trào thi đua, các chương trình hỗ trợ SV tìm hiểu thực tế, giới thiệu tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp... đã giúp SV không chỉ cải thiện, nâng cao thành tích học tập mà còn đem lại khả năng có việc làm khi ra trường.

Ngoài ra, Trường có một khuôn viên rộng rãi, cảnh quan xanh - sạch - đẹp ; môi trường văn hóa học đường luôn được giữ gìn với bầu không khí thân thiện, cởi mở, tôn trọng; an ninh trật tự địa phương và Nhà trường luôn được đảm bảo, tạo sự thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH của Trường, của Khoa và sự phấn khởi, thoải mái trong học tập và rèn luyện, sinh hoạt cho người học.

### **1.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, phòng chuyên đề, xưởng thực hành, thư viện, nhà luyện tập thể dục thể thao... được trang bị, lắp đặt các phương tiện, thiết bị phù hợp, hiện đại hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động



đào tạo, NCKH và luyện tập, vui chơi, giải trí. Thư viện của Nhà trường có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú và được cập nhật; đặc biệt hệ thống phòng thí nghiệm - thực hành phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên.

Công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự và khám sức khỏe định kỳ cho GV, người học được thực hiện đầy đủ theo các tiêu chuẩn quy định; một số giảng đường, khu luyện tập TDTT.

### ***1.10. Về nâng cao chất lượng***

Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả với hình thức đa dạng. Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao.

Quá trình dạy và học, quy trình, hình thức kiểm tra đánh giá được thực hiện một cách chặt chẽ, nghiêm túc, đa dạng và linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và luôn được rà soát, đánh giá để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT; đồng thời góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa cũng đã xây dựng được phong trào NCKH trong GV và SV, phần lớn các đề tài, kết quả NCKH đều gắn với các nhiệm vụ đào tạo, giúp cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học và có giá trị thực tiễn trong phục vụ cộng đồng.

### ***1.11. Về kết quả đầu ra***

Nhà trường và Khoa đã thực hiện tốt việc quản lý và giám sát kế hoạch học tập, kết quả học tập và thời gian tốt nghiệp của SV thông qua các CVHT, duy trì sinh hoạt lớp hàng tháng để nhắc nhở kịp thời tình hình, kế hoạch học tập của SV; thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học và tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn. Đa số SV tốt nghiệp ngành Quản lý xây dựng đều có việc làm phù hợp sau khi ra trường, đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực.

Khoa có kế hoạch phát triển, triển khai hướng dẫn và theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động NCKH của SV, tập trung các hướng nghiên cứu ứng dụng, có tính thực tiễn cao; sử dụng hiệu quả các thiết bị hiện đại trong nghiên cứu thí nghiệm và thực hành; thường xuyên tổ chức các hoạt động câu lạc bộ học thuật để trao đổi, định hướng nghiên cứu cho SV, nhất là SV năm thứ nhất.

## **2. Những điểm tồn tại của CTĐT ngành Quản lý xây dựng**

### ***2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

Mục tiêu của CTĐT tuy đã được rà soát, điều chỉnh, nhưng vẫn chưa cập nhật một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội khu vực vùng Tp.HCM hiện nay do sự phân cực về trình độ người học và điều kiện kinh tế xã hội các khu vực; CDR hiện nay được rà soát, điều chỉnh theo chu kỳ 3 năm, chưa được điều chỉnh đồng bộ thường xuyên theo từng năm học dựa trên việc lấy YKPH của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động. Điều chỉnh linh hoạt mỗi năm chỉ trong phạm vi nhỏ, trong năng lực cho phép của khoa.

## **2.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo**

Tiến trình đào tạo được mô tả trong CTĐT còn chưa đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của người học; việc thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp.

Cơ sở dữ liệu, tài liệu tham khảo được cập nhật của CTĐT ngành Quản lý xây dựng còn thiếu; Việc lấy ý kiến khảo sát phản hồi của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý CTĐT chưa được thực hiện trên diện rộng thường xuyên, đối tượng còn hạn hẹp.

## **2.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

Thông tin phản hồi của SV về chất lượng chưa đầy đủ và liên tục; ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, người học đối với các học phần chưa thực sự rõ ràng. Một số học phần còn dạy theo cách truyền thống, chưa ứng dụng phương pháp, kỹ thuật hiện đại vào việc giảng dạy dẫn đến bài giảng chưa thực sự sinh động và trực quan.

## **2.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng đối với mục tiêu giáo dục chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp; SV chưa thật sự thích nghi với phương pháp học tập tích cực như tự học, tự nghiên cứu, nhất là SV năm thứ nhất. Trong bối cảnh tuyển sinh ngày càng khó khăn do đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ bậc đại học, chất lượng đầu vào nhìn chung có khuynh hướng giảm dần, hình thành năng lực tự học và phát triển năng lực tư duy chủ động cho người học thực sự là nhiệm vụ khó khăn.

CSVCL chưa đáp ứng tốt điều kiện tổ chức làm các bài tập nhóm: số lượng SV trong một lớp học còn đông nên nhiều học phần chưa phát huy được tính tự giác và tích cực của người học trong quá trình tương tác với GV.

## **2.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học**

Việc đánh giá kết quả học tập chưa thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập của người học một cách chính xác; việc cập nhật thông tin các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học người học còn hạn chế. Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm.

## **2.6. Về đội ngũ giảng viên**

Kế hoạch phát triển đội ngũ GV về kỹ năng giảng dạy chưa được Khoa và Nhà trường quan tâm thường xuyên và đúng mức: kiến thức, kinh nghiệm thực tế vẫn còn hạn chế so với sự biến động nhanh chóng của thực tiễn ngành nghề. Số công trình NCKH của GV chưa đi sâu vào các vấn đề tồn tại, hạn chế của nhà trường. Kinh phí dành cho các đề tài nghiên cứu còn hạn chế.

## **2.7. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Chính sách tuyển sinh của Khoa vẫn còn một số tồn tại: hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo chưa được hấp dẫn và chi tiết; chưa có các hình thức quảng bá để thu hút được những thí sinh giỏi, có năng lực và sự đam mê về ngành vào học; tỷ lệ thí sinh đăng ký nhập học thấp. Chất lượng đầu vào của người học thấp, nội dung một số học phần của CTĐT còn nặng tính lý thuyết, tính hàn lâm dẫn đến kết quả học tập chưa cao, số SV có học lực trung bình khó hoàn thành khóa học đúng thời hạn. Số lượng SV tham gia NCKH chưa nhiều. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học về các hoạt động học tập, ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện đồng bộ. Không gian làm việc của Khoa còn chật hẹp dẫn đến những khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ SV.

## **2.8. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về CSVC và trang thiết bị chưa được tiến hành thường xuyên. Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với Thư viện, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa được phát triển mạnh. Nguồn tài liệu phục vụ chuyên ngành Quản lý xây dựng chưa nhiều.

## **2.9. Về nâng cao chất lượng**

Số lượng doanh nghiệp tham gia đánh giá CTĐT ngành Quản lý xây dựng chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp trong khu vực Miền Nam. Thiếu các văn bản ký kết với đơn vị tuyển dụng hoặc có tiềm năng tuyển dụng.

Các dịch vụ hỗ trợ người học còn hạn chế, chưa thực hiện cải tiến chất lượng. Nguồn học liệu phục vụ học tập và giảng dạy ngành Quản lý xây dựng chưa đa dạng. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

### **2.10. Về kết quả đầu ra**

Công tác CVHT còn bị động, chưa phát huy hiệu quả trong việc tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập theo tín chỉ. SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, còn chủ quan trong việc hoàn thành các điều kiện CĐR về ngoại ngữ và tin học theo quy định, dẫn đến tình trạng một số SV đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CĐR. CTĐT ít nhiều chưa bám sát với nhu cầu tuyển dụng và xu hướng thị trường lao động. Có một tỷ lệ nhất định SV ngành làm trái ngành nghề sau khi tốt nghiệp. Một số SV chưa quan tâm, hứng thú với hoạt động NCKH. Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan để rà soát, cải tiến chất lượng CTĐT ngành Quản lý xây dựng chưa được thực hiện thường xuyên.

## **3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT**

Để khắc phục những tồn tại trên, Khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng và Nhà trường đã có kế hoạch từ năm học 2023 - 2024 trở đi như sau:

### **3.1. Về mục tiêu, chuẩn đầu ra và bản mô tả chương trình đào tạo**

- Tiếp tục lấy ý kiến của các bên liên quan đến mục tiêu và CĐR của CTĐT; tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR từng học phần và toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, tiếp cận quốc tế và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo thuộc các khối kiến thức theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành và chuyên ngành cho phù hợp hơn, theo

hướng hỗ trợ thời gian nhiều hơn cho các nhóm học phần ngành và chuyên ngành; đề xuất Nhà trường tiếp tục bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, đặc biệt là hệ thống bài giảng, giáo trình phục vụ các học phần thuộc chuyên ngành. Mở rộng hơn phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá; thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan theo hướng chuyên nghiệp.

### **3.2. Về cấu trúc và nội dung CTDH và phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

Xây dựng kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan như: nhà tuyển dụng, người học và cựu người học trong việc rà soát và điều chỉnh CTDH để hoàn thiện CTDH, đảm bảo tính cập nhật và thích ứng nhu cầu thực tế của xã hội về nhân lực. Tổ chức tập huấn về phương pháp giảng dạy với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin nhằm thay đổi hình thức và phương pháp giảng dạy cũ, kích thích tính chủ động của người học trong việc chiếm lĩnh kiến thức chuyên sâu. Đề xuất Nhà trường cho phép thay đổi cấu trúc các học phần ở năm thứ nhất và thứ hai theo hướng tăng cường thời lượng cho các học phần chuyên ngành; đẩy mạnh hoạt động kiến tập tại hiện trường.

Đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, tổ chức bài bản việc lấy ý kiến phản hồi. Đề xuất Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho GV: học thêm các lớp nghiệp vụ, các phần mềm AI cải thiện phương pháp giảng dạy. Tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng Anh giao tiếp cho các GV để nâng cao khả năng trao đổi học thuật, nghiên cứu và hội nhập quốc tế; tăng cường kinh phí cho việc thực hiện đề tài NCKH của GV và SV.

Tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách, tuyển dụng, bổ nhiệm, xét thi đua khen thưởng hợp lý hơn, đồng thời có cơ sở để theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ, phục vụ tốt hơn cho đào tạo và NCKH.

Đề xuất Nhà Trường hỗ trợ GV được học bồi dưỡng và sử dụng các phần mềm hiện đại (ứng dụng AI) vào trong giảng dạy (vì việc học và sử dụng các phần mềm này có mất phí cao).

### **3.5. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Khoa sẽ tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin, qua các bài viết, các hình ảnh, hoạt động của Khoa, của các tổ chức đoàn thể, các câu lạc bộ học thuật trên trang web, trang mạng xã hội của Khoa; đồng thời sẽ kết hợp bộ phận truyền thông – tuyển sinh thực hiện một Video clip giới thiệu về các ngành đào tạo, các kết quả NCKH của SV, cơ hội việc làm của SV sau khi tốt nghiệp,... để quảng bá rộng rãi đến các em học sinh THPT.

Tiến hành rà soát lại đề cương các học phần, điều chỉnh việc phân bổ các môn học, điều tra và đánh giá nguyên nhân khiến cho SV hoàn thành khóa học chưa đúng

hạn. Đội ngũ CVHT tiếp tục duy trì, tăng cường các hoạt động tư vấn học tập, khuyến khích hoạt động NCKH trong SV, hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm.

Bên cạnh đó, khoa dự kiến phối hợp Đoàn trường, hội SV và bộ phận hợp tác DN, kết hợp tổ chức các hoạt động xã hội cho SV gắn liền với chuyên ngành đào tạo, vừa tạo hứng thú cho người học, vừa góp phần quảng bá thương hiệu nhà trường.

Ngoài ra, chú trọng công tác “chăm sóc” cho đối tượng người học tại trường thông qua tương tác trực tiếp (từ đội ngũ CVHT, GV, NV các phòng chức năng...) đến tạo môi trường để người học phát triển bản thân, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh khi tham gia vào thị trường lao động, góp phần tạo điểm nhấn cho công tác tuyển sinh.

### **3.6. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Khoa kết hợp với các phòng chức năng trong Nhà trường, sẽ tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ người học về CSVC và trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản. Đề xuất Nhà trường đầu tư kinh phí để bổ sung, cập nhật nguồn tài liệu phục vụ đào tạo.

Tiếp tục xây dựng các đề án nâng cấp các phòng thí nghiệm - thực hành theo hướng hiện đại. Tăng cường công tác quản lý SV, tránh hiện tượng vi phạm nội quy của Nhà trường, đồng thời thực hiện chính sách riêng, quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

### **3.7. Về nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra**

Nhà trường tiếp tục duy trì và mở rộng đối tượng lấy thông tin phản hồi của các bên liên quan để cập nhật CTĐT. Tăng cường hợp tác, ký kết biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp; tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về kỹ năng mềm, các hội thảo để SV có cơ hội tiếp xúc với các doanh nghiệp và rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp. Tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan cũng như tăng cường việc lấy YKPH các bên liên quan về các hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất, cập nhật và phù hợp với CDR của CTĐT. Thực hiện rà soát hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ người học; thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ người học tại các phòng thí nghiệm - thực hành, phòng thực hành máy tính. Đề xuất Nhà trường mua bổ sung học liệu cho chuyên; tăng cường cơ sở hạ tầng CNTT tại các giảng đường.

Tăng cường tính chủ động của các CVHT trong việc tư vấn kế hoạch học tập cho SV và thực hiện báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV

hoàn thành các điều kiện CDR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn. Nhà trường tiếp tục duy trì việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và khảo sát về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp ra trường nhằm cải tiến chất lượng và cập nhật CTĐT, đáp ứng CDR và nhu cầu xã hội. Quang Châu

TTHCM..., ngày 24 tháng 12 năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký, đóng dấu)



Ths. Nguyễn Bá Nghiêm

Số: 706/KH-CĐXD

TP.HCM, ngày 16 tháng 8 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2024

#### I. Mục đích tự đánh giá:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, nhà giáo, nhân viên và học sinh sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng và tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo ngành, trình độ cao đẳng, trung cấp.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của các ngành đào tạo dựa trên cơ sở đối chiếu, so sánh với các yêu cầu trong hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của trường cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá đã đạt được, đồng thời đề xuất biện pháp khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt của từng ngành đào tạo, trình độ cao đẳng, trung cấp. Qua đó, giúp Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của nhà trường.

- Các ngành đào tạo trình độ cao đẳng tự đánh giá năm 2024 gồm: Công nghệ Kỹ thuật Kiến trúc, Cấp Thoát nước, Công nghệ Kỹ thuật Vật Liệu XD, Công nghệ Kỹ thuật CT Xây dựng, Công nghệ Kỹ thuật Giao thông, Quản Lý Xây Dựng.

#### II. Công cụ tự đánh giá

1. Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.

2. Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

3. Hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng được quy định tại Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Tổng cục GDNN.

#### III. Quy trình tự đánh giá:

Quy trình thực hiện tự đánh giá được thực hiện bám sát theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 và bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và



cao đẳng của Tổng Cục Giáo Dục Nghề Nghiệp, cụ thể như sau:

3.1. Thực hiện công tác chuẩn bị và hướng dẫn thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo, trình độ cao đẳng (*gọi tắt là Hội đồng TĐGCTĐT*).

- Tổ chức tập huấn hướng dẫn về công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

3.2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo, trình độ cao đẳng theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

3.3. Thông qua và phê duyệt các báo cáo tự đánh giá chất lượng của các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng;

3.4. Công bố các báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của các chương trình đào tạo trong trường và gửi báo cáo về Tổng Cục Giáo Dục Nghề Nghiệp.

#### **IV. Nhiệm vụ chung**

##### **4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo, trình độ cao đẳng**

- Phân công các Khoa, Bộ Môn, Trung Tâm có ngành đào tạo chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của mình;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, trình độ cao đẳng, trung cấp theo đúng kế hoạch đã đề ra;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo và các biện pháp cải tiến nâng cao chất lượng;

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại trường (*nếu có*).

##### **4.2. Đối với các Khoa, Bộ môn, Trung tâm có ngành đào tạo:**

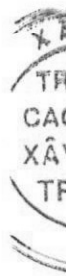
- Dựa trên kế hoạch Tự đánh giá của Trường, lập kế hoạch đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cho ngành cụ thể, trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Thông qua các Ban thư ký tự đánh giá chương trình đào tạo, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành; đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng trong từng tiêu chí, đồng thời mô tả, phân tích, nhận định các tiêu chuẩn, xác định thực trạng và cho điểm tự đánh giá tiêu chuẩn;

- Tổng hợp và viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành theo mẫu quy định tại phụ lục số 03, 04 ban hành kèm theo Thông tư 28/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Gửi dự thảo báo cáo tới các đơn vị để lấy ý kiến sau đó tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo họp thông qua.

##### **4.3. Đối với các đơn vị trực thuộc trường**



- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp cho các Khoa, Bộ môn, Trung tâm có ngành đào tạo tổng hợp để viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành mình quản lý

**5. Phân bổ các đơn vị thuộc trường hỗ trợ thực hiện tự đánh giá theo tiêu chuẩn, tiêu chí liên quan**

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị hỗ trợ
<b>I</b>	<b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng TCHC
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào Tạo; Các đơn vị đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng TCKT
<b>II</b>	<b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Đào tạo; Các đơn vị đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo; Phòng TCHC
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Đào tạo
<b>III</b>	<b>Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Đào tạo; Các đơn vị đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng TCHC
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng TCHC
<b>IV</b>	<b>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo; Các đơn vị đào tạo
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo; Các đơn vị đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo

7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Đào tạo
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Đào tạo
9	Tiêu chuẩn 9	Phòng Đào tạo, Các đơn vị đào tạo
10	Tiêu chuẩn 10	Phòng Đào tạo
11	Tiêu chuẩn 11	Phòng Đào tạo, Các đơn vị đào tạo
12	Tiêu chuẩn 12	Phòng Đào tạo, Các đơn vị đào tạo
<b>V</b>	<b>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản trị
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản trị
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản trị; Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản trị
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản trị
6	Tiêu chuẩn 6	Trung Tâm Thông Tin Thư Viện
7	Tiêu chuẩn 7	Trung Tâm Thông Tin Thư Viện
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Đào tạo
<b>VI</b>	<b>Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo; Phòng Tuyển Sinh - Công tác HSSV;
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tuyển Sinh - Công tác HSSV
3	Tiêu chuẩn 3	Bộ Phận Hợp Tác Doanh Nghiệp; Phòng Tuyển Sinh - Công tác HSSV; Các đơn vị đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Đoàn Thanh niên
<b>VII</b>	<b>Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo; Phòng KH-HTQT&ĐBCL
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo; Phòng KH-HTQT&ĐBCL
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Đào tạo
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Đào tạo

**6. Nội dung công việc - Thời gian thực hiện**

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Đv hỗ trợ</b>
Từ ngày 1/8/2024 – 16/8/2024	- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, trình độ cao đẳng, năm 2024.  - Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, trình độ cao đẳng, năm 2024.	Phòng KH- HTQT&ĐBCL	
Từ ngày 16/8/2024 đến ngày 24/8/2024	- Họp Hội Đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, trình độ cao đẳng  - Tập huấn công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cho các đơn vị theo Thông Tư 15- Bộ LĐTĐBXH	Khoa, bộ môn quản lý ngành và Đơn vị tư vấn	Phòng KH- HTQT&ĐBCL
Từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/9/2024	Thu thập thông tin, rà soát các minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	Khoa, bộ môn quản lý ngành	Phòng KH- HTQT&ĐBCL
Từ ngày 26/9/2024 đến ngày 10/10/2024	Kiểm tra, thu thập minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	Khoa, bộ môn quản lý ngành	Phòng KH- HTQT&ĐBCL
Từ ngày 10/10/2024 đến ngày 24/10/2024	Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn; chỉ rõ điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng	Khoa, bộ môn quản lý ngành	Phòng KH- HTQT&ĐBCL
Từ ngày 24/10/2024 đến ngày 07/11/2024	Tổng hợp phần I và phần II của báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.	Khoa, bộ môn quản lý ngành	Phòng KH- HTQT&ĐBCL
Từ ngày	Tổng hợp phần III và	Khoa, bộ môn quản	Phòng KH-

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Đv hỗ trợ
07/11/2024 đến ngày 21/11/2024	phần IV của báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.	ly ngành	HTQT&ĐBCL
Từ ngày 21/11/2024 đến ngày 28/11/2024	- Tổng hợp báo cáo và gửi đến các đơn vị xin ý kiến phản hồi - Họp hội đồng tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo để thông qua báo cáo.	Hội đồng tự đánh giá	Phòng KH-HTQT&ĐBCL
Từ ngày 28/11/2024 đến ngày 20/12/2024	Hoàn chỉnh báo cáo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo và gửi báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền	Phòng KH-HTQT&ĐBCL	Khoa, bộ môn quản lý ngành

**\* Yêu cầu chung:** Báo cáo kết quả tự kiểm định bắt buộc phải soạn thảo bằng phông chữ Times New Roman, Unicode, cỡ chữ 13 theo yêu cầu của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

### 7. Kinh phí

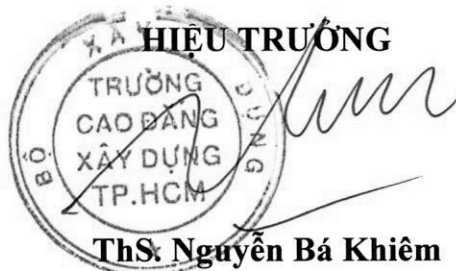
- Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2024 được trích từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Trường.

- Phòng Tài Chính Kế Toán phối hợp với Phòng Khoa Học- Hợp Tác Quốc Tế - Đảm Bảo Chất Lượng và các đơn vị quản lý ngành chịu trách nhiệm dự toán kinh phí và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Nhà trường trong năm 2024, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả đơn vị trong Trường, các thành viên của Hội đồng tự đánh giá phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

### Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: VT, KHHTQT-ĐBCL.


  
**ThS. Nguyễn Bá Khiêm**



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng năm 2024

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 2;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 thành Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-CĐXD ngày 12/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của Cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 706/KH-CĐXD ngày 16/8/2024 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2024;

Xét đề nghị của Trường phòng Khoa học, Hợp tác Quốc tế và Đảm bảo Chất lượng.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng kèm theo danh sách.

**Điều 2.** Các hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng có trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các quy định về việc đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng năm học 2023-2024 theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại điều 1 và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT, KH-HTQT-ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM  
ThS. Nguyễn Bá Khiêm



**PHỤ LỤC 06**  
**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**  
**NGÀNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 708/QĐ-CĐXD ngày 16 tháng 8 năm 2024  
★ của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Họ Và Tên	Chức Vụ	Nhiệm Vụ
1	Nguyễn Bá Khiêm	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Đỗ Thị Xuân Thu	Trưởng Khoa KT-QLXD	Phó Chủ tịch HĐ
3	Trần Thị Thu Hương	Giảng viên Khoa KT-QLXD	Thư ký HĐ
4	Nguyễn Văn Thọ	Chủ tịch Hội đồng Trường	Ủy Viên
5	Lê Khắc Toàn	Phó Hiệu trưởng	Ủy Viên
6	Nguyễn Xuân Tùng	Giảng viên Khoa KT-QLXD	Ủy viên
7	Đỗ Thị Mai Linh	Giảng viên Khoa KT-QLXD	Ủy viên
8	Lê Thị Diên	Giảng viên Khoa KT-QLXD	Ủy viên
9	Nguyễn Thị Như Tường	Giảng viên Khoa KT-QLXD	Ủy viên
10	Phạm Thị Lê Vân	Trưởng Phòng Khoa học- HTQT-ĐBCL	Ủy viên
11	Dương Công Đức	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
12	Vũ Đăng Cải	Phó trưởng phòng phụ trách phòng Tổ chức HC	Ủy viên
13	Huỳnh Phi Tuấn Khanh	Trưởng Phòng TS-CTSVHS	Ủy viên
14	Nguyễn Thị Trang	Trưởng Phòng Tài chính KT	Ủy viên
15	Nguyễn Văn Quý	Trưởng Phòng Quản trị	Ủy viên
16	Võ Văn Thiệp	GD. Trung tâm TT Thư viện	Ủy viên
17	Lê Xuân Lâm	Chuyên viên phòng Khoa học- HTQT-ĐBCL	Ủy viên
18	Trần Biên Cường	Giám đốc Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hoàng Nam Thịnh	Ủy viên
19	Đỗ Nguyễn Đăng	Phó GD Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Ninh và Cộng sự	Ủy viên